

Số: 2996/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua
sắm tàu kiểm ngư của Chi cục Thủy sản Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 29/3/2015 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính
quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì
hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang
nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã
hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề
nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 4515/BC-STC
ngày 18/8/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua
sắm tàu kiểm ngư của Chi cục Thủy sản Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Mua sắm tàu kiểm ngư của Chi cục Thủy sản Đồng Nai
(Danh mục chi tiết đính kèm).

2. Giá gói thầu khoảng: 1.299.000.000 đồng, (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm
chín mươi chín triệu đồng), đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ
giá của đơn vị có chức năng thẩm định giá, nhưng không được lớn hơn giá gói
thầu trong quyết định này.

- Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình mua sắm tài sản, dịch vụ, căn cứ các quy định hiện hành, đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp nông nghiệp đã giao dự toán cho Chi cục Thủy sản năm 2020.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường, thực hiện qua mạng, lựa chọn nhà thầu trong nước.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ;

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2020.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

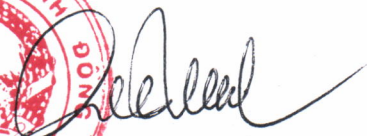
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Quốc Hùng

**DANH MỤC CHI TIẾT***(Đính kèm Quyết định số 2996 /QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh)*

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I.	PHẦN VỎ TÀU	Chiếc	1
1	Thông số kỹ thuật phần vỏ tàu		
	Vỏ tàu composite		
	Chiều dài lớn nhất: 9,20m		
	Chiều rộng lớn nhất: 2,50m		
	Cao mạn: 1,45m		
	Độ dày đáy ca nô: 8mm		
	Độ dày mạn ca nô: 6mm		
	Tải trọng tối đa: 12 khách		
	Vận tốc tối đa: 60-65 km/h		
2	Vỏ cano trang bị:		
2.1	Lan can Inox mũi	Bộ	1
2.2	Lan can Inox lái	Bộ	1
2.3	Cọc bích Inox buộc dây	Cái	6
2.4	Cabin composite, hai bên phía sau có bạt phủ che nắng mưa	Chiếc	1
2.5	Sàn ca nô được lót tấm nhựa giả gỗ chống trượt	Bộ	1
2.6	Ghế đơn Tài phụ bằng Composite được bọc nệm mút Simili màu nâu da bò	Cái	2
2.7	Ghế chữ U phía sau được bọc nệm mút simili màu nâu da bò	Bộ	1
2.8	Phòng vệ sinh được lắp bồn cầu hệ thống xả bằng điện DC 12V	Bộ	1
2.9	Thùng chứa nước sạch composite 80 lít	Thùng	1
2.10	Thùng nhiên liệu Composite 150 lít	thùng	1
2.11	Còi điện	Cái	1
2.12	Đèn mạn	Bộ	1
2.13	Đèn neo	Cái	1
2.14	Bơm nước lườn	Cái	1
2.15	Đèn pha	Cái	1
2.16	Bảng công tắc điều khiển điện	Bộ	1
2.17	Bình Ắc quy 200Ah	Cái	1
2.18	Gạc nước kính chắn gió	Bộ	1



STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
2.19	Bình chữa cháy Co2 8kg	Bình	1
2.20	Bình chữa cháy bột 4kg	Bình	1
2.21	Áo phao	Cái	14
2.22	Phao tròn cứu sinh	Cái	2
2.23	Neo xếp Inox 10kg	Cái	1
2.24	Dây neo	Mét	50
2.25	Dây buộc Ca nô	Mét	20
2.26	Cột cờ , Cột đèn hành trình Inox 304	Cái	1
2.27	Bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ	Bộ	1
2.28	Bộ hồ sơ đăng kiểm	Bộ	1
2.29	Phí trước bạ, đăng ký lần đầu ca nô	Chiếc	1
II.	PHẦN ĐỘNG CƠ	Bộ	1
1	Thông số kỹ thuật:		
	Loại động cơ gắn ngoài 4 thì		
	Kiểu xi lanh: V6		
	Nhiên liệu sử dụng: xăng		
	Khởi động bằng điện :12DCV		
	Còi cảnh báo sự cố		
	Chiều cao tấm đuôi O/ M (mm/inch): 643/25.3		
	Trọng lượng (Kg): 284		
	Dung tích xi lanh (Cm ³): 3352		
	Đường kính x hành trình (mm): 94 x 80.5		
	Công suất (KW/mã lực): 183.9/250		
	Vòng quay tối đa (vòng/phút): 5000-6000		
	Tỉ số nén: 9.9		
	Hệ thống nạp nhiên liệu: Hệ thống cam treo kép		
	Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử		
	Đánh lửa: TCI		
	Tỉ số truyền: 2.08		
	Hệ thống lái: Điều khiển từ xa		
	Hệ thống bôi trơn cacte-ướt: Tiêu chuẩn		
	Hệ thống khởi động		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	Hệ thống nâng hạ: Bềng điện		
	Dây công tắt máy: Trên hộp điều khiển từ xa		
	Bộ phát điện xoay chiều: 45A		
	Bộ chỉnh lưu: Thiết bị chuẩn		
	Ngăn ngừa khởi động khi có số: Trên hộp điều khiển từ xa		
	Cảnh báo quá nhiệt: Thiết bị chuẩn		
	Ngăn ngừa vượt tốc: Thiết bị chuẩn		
	Chân vịt: Chuẩn		
	Nhớt bôi trơn máy (lít): 5.8		
	Dầu nhớt hộp số : SAE 90 – GL4/GL5		
	Tiêu hao nhiên liệu 90.5 L/h @6000 rpm (Tiêu hao nhiên liệu ở tốc độ tối đa ở 6000) Tiêu hao nhiên liệu trung bình 57L/h		
2	Phụ kiện theo máy		
	Hộp điều khiển ga , số	Bộ	1
	Dây ga, số	Dây	2
	Đồng hồ báo vòng tua máy	Cái	1
	Bộ dây dẫn điều khiển máy	Bộ	1
	Bộ dụng cụ đồ nghề theo máy	Bộ	1
III.	Hệ thống lái thủy lực, bao gồm: + Bơm thủy lực UL TRAFLEX, UP20 + Xy lanh thủy lực, UL TRAFLEX, UC94-OBFI + Ống lái thủy lực, LM-RT-9.0 (Bộ = 2 ống)	Bộ	1
IV.	Phí lắp đặt, nhiên liệu rô đa chạy thử	Chiếc	1
	Tổng giá trị gói thầu (bao gồm VAT; Phí lắp đặt, nhiên liệu rô đa chạy thử): 1.299.000.000 đồng		

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu đồng).